TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2019
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn.

2. Bà Nguyễn Thị Thiểu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Đặng Kim H, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 24, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh và chị Đặng Kim H chung sống với nhau vào năm 1995, có tìm hiểu trước khoảng 03 năm, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G vào ngày 07-8-2002. Ngày làm lễ cưới gia đình anh có cho chị H nữ trang gồm 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền với tổng trọng lượng là 3,5 chỉ vàng 24K. Hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng anh đã bán để làm ăn. Sau khi cưới vợ chồng anh sống với gia đình anh tại ấp B, xã C, huyện G khoảng 01 năm và vợ chồng anh xây dựng nhà ra riêng để sinh sống, làm ăn cho đến nay.

Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc xuất phát từ việc chị H thường xuyên cờ bạc bằng hình thức đánh bài, tài xỉu mà bỏ bê, không quan tâm, chăm sóc đến công chuyện trong gia đình, mọi chi phí trong gia đình đều do anh đi làm mà có để sinh hoạt. Anh đã khuyên chị H nhiều lần là bỏ cờ bạc để lo làm ăn nhưng chị H vẫn không thay đổi. Cách nay khoảng 02 đến 03 năm do có hành vi cờ bạc nên chị H đã bị Công an xã T, huyện H1 xử phạt hành chính với số tiền 1.000.000 đồng. Vì khuyên chị H không được nên vào các năm 2016, 2017 và 2018 anh T đều nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện G, nhưng do chị H năn nỉ, cam kết sẽ thay đổi nên anh rút đơn ly hôn lại. Kể từ tháng 10-2019 anh không còn thấy chị H cờ bạc nhưng chị H lại bỏ nhà đi làm ở đâu anh không rõ, đến khuya khoảng 22 giờ chị H mới trở về nhà ngủ và sáng lại đi tiếp. Mọi việc trong gia đình đều do anh lo lắng nhưng chị H lại ghen tuông vô cớ, hàng đêm về nhà chị H lại chửi mắn mà không cho anh và các con ngủ. Dù hiện nay vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đến khuya chị H mới về nhà ngủ nên vợ chồng anh không ai quan tâm đến ai và công việc ai người đó làm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01-4-1996 và Nguyễn Thái B1, sinh ngày 02-11-2000. Hiện 02 con đã thành niên, có khả năng lao động nên anh không giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chung sống có tài sản chung gồm 01 căn nhà tường cấp 4 được xây dựng năm 2007 trên phần đất mà cha mẹ anh cho nhưng chưa sang tên, 3,7 ha đất ruộng hiện vợ chồng anh đứng tên, đều tọa lạc tại: ấp B, xã C, huyện G và số tiền 90.000.000 đồng. Đối với tài sản chung này anh yêu cầu để vợ chồng anh tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Đặng Kim H trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Tùng về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị là chị thừa nhận có nhiều lần cờ bạc và có lần chị bị Công an xã T, huyện H1 xử phạt hành chính với số tiền 1.000.000 đồng như chồng chị đã trình bày. Do chị làm sai nên anh T có nộp đơn ly hôn tại Tòa án vào các năm 2016, 2017 và 2018 nhưng chị đã biết lỗi, năn nỉ nhiều lần nên anh T đã đồng ý tha lỗi cho chị. Hiện nay chị đã không còn cờ bạc, mà chị đang đi làm tại huyện H1 để kiếm tiền trả nợ cờ bạc của chị trước đó, đến khuya khoảng 20 giờ đến 22 giờ chị mới về nhà. Dù chị đi làm từ sáng đến tối mới về nhưng mọi việc trong gia đình chị cũng nhờ con dâu lo lắng, chăm sóc và mọi chi phí trong gia đình đều do anh T bỏ ra. Tuy nhiên, hiện nay anh T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài và không muốn sống chung với chị nữa nên anh T mới yêu cầu ly hôn với chị. Chị thừa nhận đi làm đến khuya mới về nhà nhưng do anh T không cho chị lại gần mà chê bai chị nên chị mới nóng tính mà chửi mắn vào lúc ban đêm. Hiện nay chị vẫn còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01-4-1996 và Nguyễn Thái B1, sinh ngày 02-11-2000. Hiện 02 con đã thành niên, có khả năng lao động nên chị không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị thống nhất vợ chồng chị có tài sản chung như anh Tùng trình bày nhưng vợ chồng chị tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về hôn nhân: Anh T và chị H chung sống với nhau vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G vào ngày 07-8-2002. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay anh T có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T thì thấy: Mâu thuẫn của anh T và chị H phát sinh từ việc anh chị chung sống không hạnh phúc do chị H thường xuyên cờ bạc, không lo lắng và chăm sóc cho gia đình. Anh T đã khuyên nhiều lần nhưng chị H vẫn không thay đổi, mọi việc trong gia đình đều do một mình anh T lo chi phí sinh hoạt dẫn đến việc anh T bức xúc ảnh hưởng đến quan hệ tình cảm của vợ chồng. Điều đó được thể hiện thông qua việc do có hành vi cờ bạc nên chị H đã bị Công an xã T, huyện H1 xử phạt hành chính với số tiền 1.000.000 đồng, do khuyên chị H không được nên vào các năm 2016, 2017 và 2018 anh T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện G nhưng chị H năn nỉ, cam kết bỏ cờ bạc nên anh T rút lại đơn ly hôn theo các Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 115/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08-11-2016, số 169/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07-9-2017 và số 230/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15-8-2018. Nhưng sau đó anh chị lại tiếp tục mâu thuẫn do chị H ghen tuông vô cớ và hàng ngày chị H đi làm đến tối khoảng 20 giờ đến 22 giờ về nhà lại xảy ra cải nhau với anh T. Dù hiện nay vợ chồng anh chị vẫn sống chung nhà do đến khuya chị H đi làm về nhưng anh chị vẫn không thể hàn gắn tình cảm, không quan tâm đến công việc của nhau. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tùng là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01-4-1996 và Nguyễn Thái B1, sinh ngày 02-11-2000. Hiện cháu T1 và cháu B1 đã thành niên, có khả năng lao động và anh chị không giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[1.3] Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Không có nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

[2] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thanh T đối với chị Đặng Kim H. Anh T được ly hôn với chị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Hiện cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01-4-1996 và cháu Nguyễn Thái B1, sinh ngày 02-11-2000 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0009523 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận anh T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tuấn Anh